

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 6 tháng đầu năm 2020

Thực hiện Công văn số 686/SKHĐT-THQHKKH ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang về việc báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 6 tháng đầu năm và xây dựng phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020;

Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất báo cáo tình hình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công 6 tháng đầu năm 2020 đối với kế hoạch vốn được tỉnh phân bổ cho huyện quản lý như sau:

I. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2020 (Có biểu kèm theo).

Năm 2020 tổng kế hoạch vốn tỉnh phân cấp cho huyện quản lý là 92.792 triệu đồng, kế hoạch vốn cấp phát 92.792 triệu đồng. Gồm các nguồn vốn:

1. Vốn xổ số kiến thiết: 42.185 triệu đồng
2. Vốn cân đối NS địa phương: 17.214 triệu đồng
3. Vốn sử dụng quỹ đất: 1.800 triệu đồng
4. Vốn thu tiền sử dụng quỹ đất NS tỉnh bổ sung: 3.550 triệu đồng
5. Vốn chương trình MTQG xây dựng NTM: 24.966 triệu đồng
6. Vốn chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 3.077 triệu đồng

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN (Có biểu kèm theo).

- Ước thực hiện đến ngày 30/6/2020 giá trị khối lượng hoàn thành 26.796 triệu đồng, đạt 28,9% so với KH vốn, giá trị giải ngân 25.538 triệu đồng đạt 27,5% so với KH vốn.

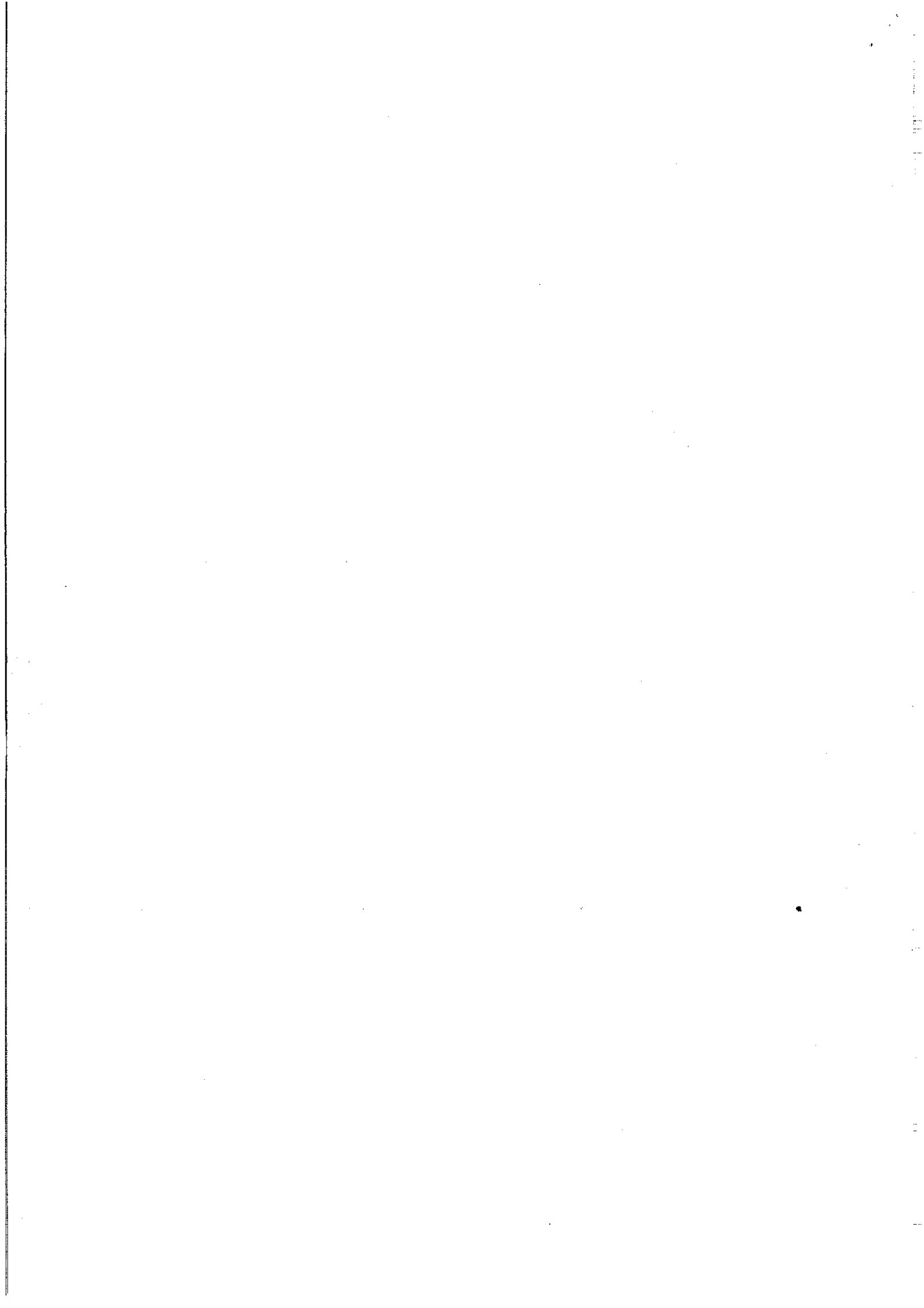
- Ước thực hiện đến ngày 30/9/2020 giá trị khối lượng hoàn thành 68.319 triệu đồng, đạt 73,6% so với KH vốn, giá trị giải ngân 56.675 triệu đồng đạt 61,1% so với KH vốn.

- Ước thực hiện đến ngày 31/01/2021 giá trị khối lượng hoàn thành 96.589 triệu đồng đạt 104,1% so với KH vốn, giá trị giải ngân 92.592 triệu đồng đạt 99,8% so với KH vốn.

- Công trình chuyển tiếp: Đến thời điểm báo cáo công tác thanh toán giải ngân thực hiện rất chậm, đạt thấp so với kế hoạch được giao và chưa đạt yêu cầu theo Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 03/03/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Hiện nay UBND huyện đang đôn đốc BQL dự án đầu tư xây dựng huyện nhắc nhở các nhà thầu thực hiện hoàn tất các hồ sơ thanh toán giải ngân.

- Công trình bố trí mới: Ngay từ đầu năm Ủy ban nhân dân huyện đã đôn đốc BQL dự án đầu tư xây dựng huyện thực hiện các thủ tục hồ sơ trình phê





duyet kế hoạch lựa chọn nhà thầu; gửi hồ sơ mời thầu theo quy định; thẩm định định kết quả lựa chọn nhà thầu. Đến nay các công trình bố trí mới đã thực hiện xong và ký kết hợp đồng đang triển khai thi công theo quy định.

- Chương trình mục tiêu Quốc gia: Được phân bổ ngay đầu năm 2020 nhưng đến nay công tác triển khai thực hiện là rất chậm. Huyện đang đôn đốc chỉ đạo các xã hoàn tất các thủ tục hồ sơ và triển khai thi công, làm các thủ tục thanh toán giải ngân kế hoạch vốn được giao.

- Hiện nay các công trình trên địa bàn huyện không vướng mắc trong quá trình thực hiện, nguyên nhân thực hiện chậm là do các địa phương đang chuẩn bị cho công tác Đại hội Đảng của các ngành và các xã, thị trấn chưa quan tâm đến công tác thanh toán giải ngân.

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Thuận lợi

Được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của chính quyền địa phương, bên cạnh đó có sự phối hợp giữa các sở chuyên ngành với địa phương trong việc phân bổ kế hoạch, thông báo vốn sớm, thuận lợi trong quá trình thanh toán giải ngân.

Ngay từ đầu năm các dự án đã được phê duyệt danh mục tạo điều kiện cho việc chuẩn bị hồ sơ thủ tục để tổ chức đấu thầu và chỉ định thầu, đến nay các công trình đấu thầu cơ bản hoàn thành.

2. Hạn chế, tồn tại

- Do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid-19, nên công tác chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân huyện trong thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 cũng gặp một phần khó khăn.

- Việc cách ly xã hội trong thời gian qua theo Chỉ thị 15, Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ dẫn đến tiến độ thực hiện công trình chậm nên khối lượng giải ngân không đáng kể. Các công trình bố trí mới đã lựa chọn thầu xong triển khai thi công nhưng khối lượng thực hiện chậm.

- Công tác quản lý, theo dõi kế hoạch vốn của các chương trình, dự án trong đầu tư xây dựng của UBND các xã chưa được thường xuyên; chậm báo cáo khó khăn vướng mắc; việc thanh toán giải ngân vốn thực hiện chưa tốt.

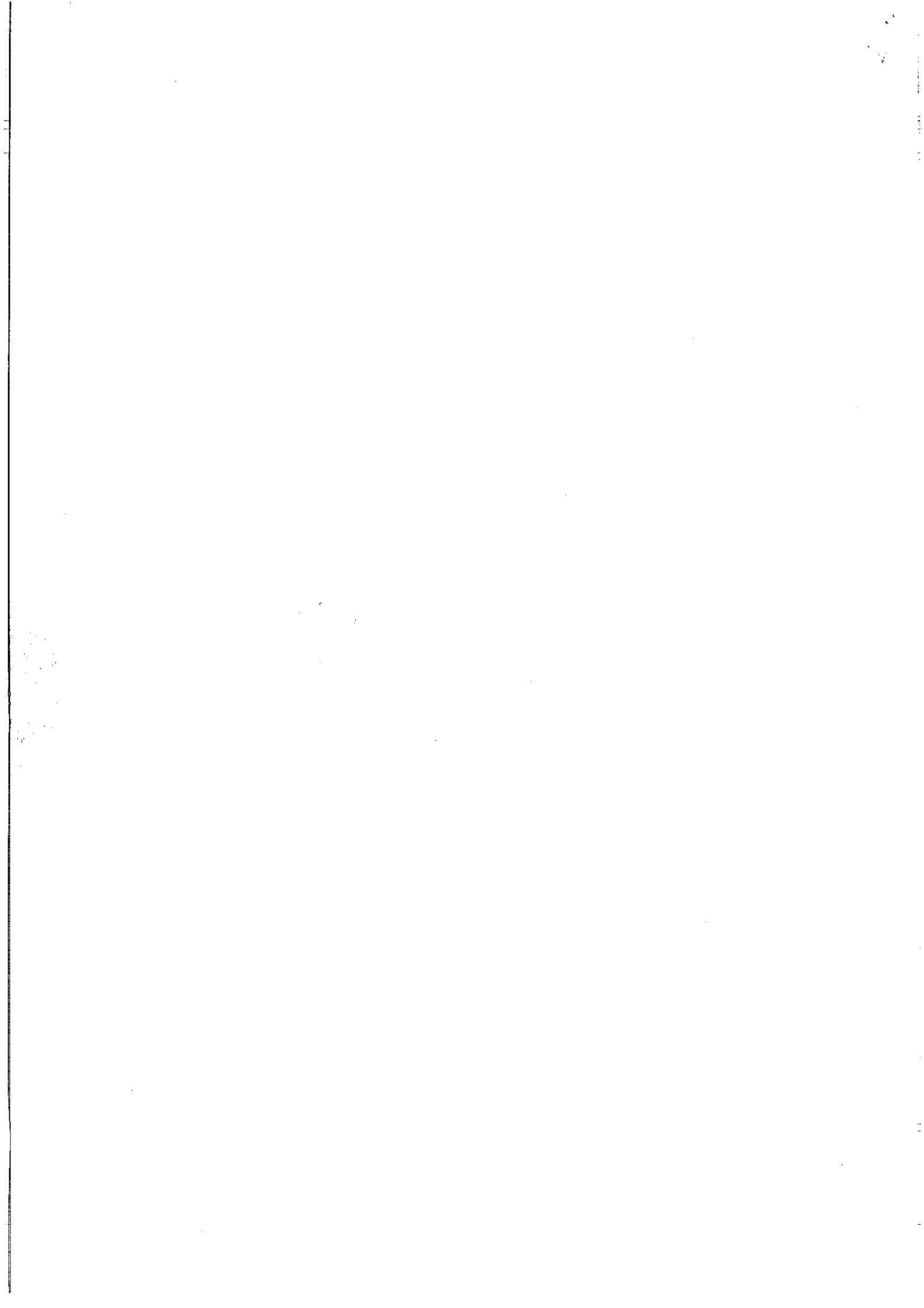
- Công tác giải ngân vốn đối với các công trình chuyển tiếp năm 2019 sang năm 2020 giải ngân đạt thấp, nguyên nhân là do một số nhà thầu chậm làm hồ sơ quyết toán giai đoạn và quyết toán hoàn thành theo quy định.

- Việc đôn đốc, chỉ đạo điều hành của các Chủ đầu tư chưa quyết liệt đối với các đơn vị tư vấn và đơn vị thi công dẫn đến kéo dài thời gian hoàn thành hợp đồng như: khảo sát thiết kế; công tác lựa chọn thầu; thẩm định, thẩm tra thiết kế dự toán và công trình đã nghiệm thu đưa vào sử dụng nhưng chậm quyết toán công trình....

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM

- Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình bố trí mới năm 2020 để đạt và vượt kế hoạch đề ra.





- Chỉ đạo Ban quản lý yêu cầu các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công và hoàn thành hồ sơ quyết toán A-B đối với các công trình thuộc kế hoạch năm trước.

- Chỉ đạo chủ đầu tư, đơn vị thực hiện dự án, triển khai thi công đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, thanh toán giải ngân trong phạm vi kế hoạch vốn đầu tư được giao và cam kết phần đầu thực hiện hoàn thành kế hoạch.

- Kiểm tra rà soát các công trình đã nghiệm thu hoàn thành chưa quyết toán dự án hoàn thành theo quy định, tránh tình trạng tồn đọng hồ sơ.

- Chuẩn bị lập danh mục và tổ chức khảo sát thiết kế cho các công trình chuẩn bị đầu tư năm 2021.

V. KIẾN NGHỊ

Sở Kế hoạch và Đầu tư sớm xem xét, chấp thuận nội dung Tờ trình số 98/TTr-UBND của Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất về việc xin điều chỉnh danh mục kế hoạch đầu tư công năm 2020 thuộc vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Trên đây là báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 6 tháng đầu năm 2020. / *hcc*

Nơi nhận:

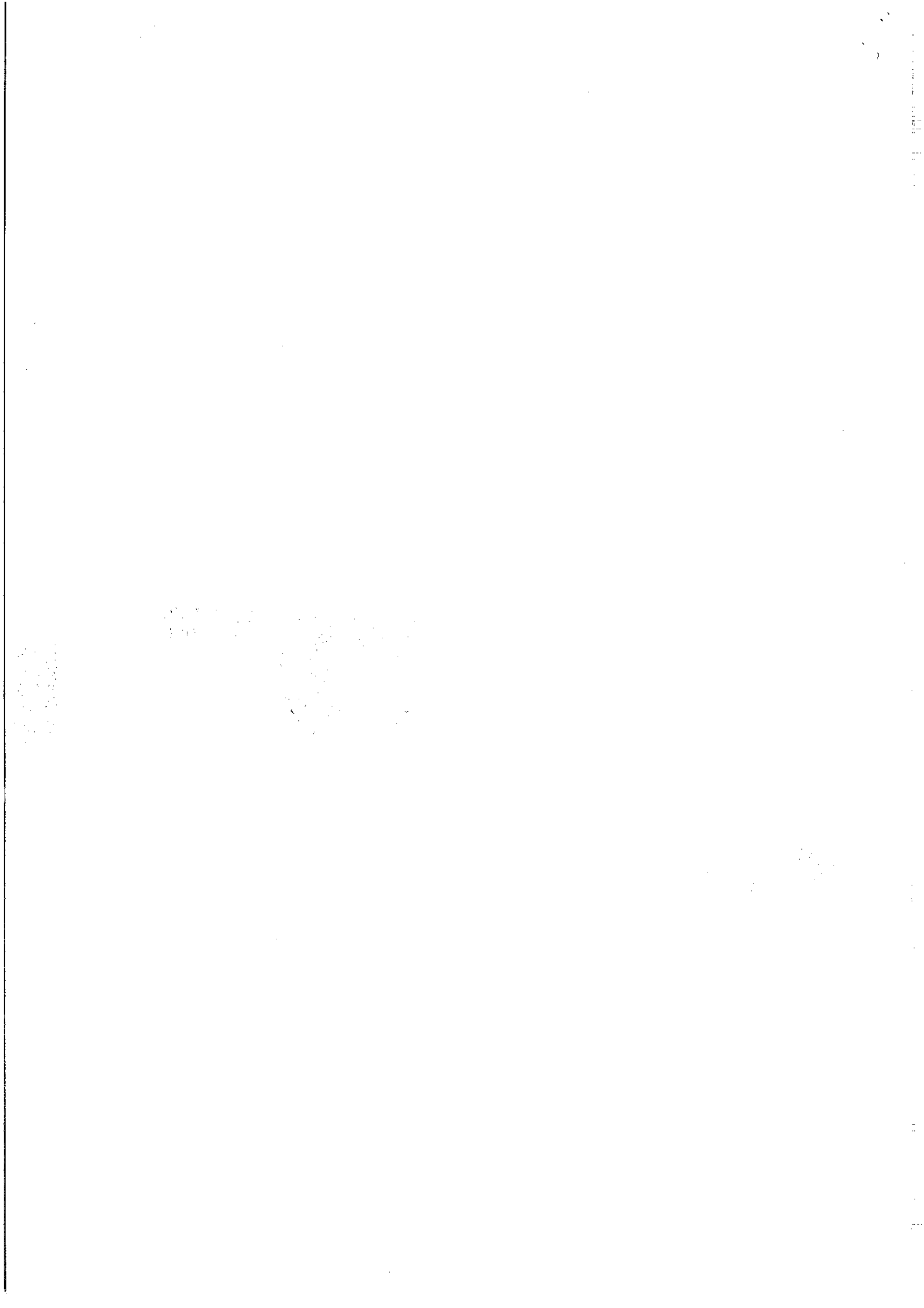
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- CT; các PCT UBND huyện;
- LĐ VP.UBND huyện
- Phòng Tài chính - KH;
- Lưu: VT; CV.ttmen.



CHỦ TỊCH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thanh Văn
Phạm Thanh Văn





BIỂU MẪU
THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020 CỦA HUYỆN HỒN ĐẤT
 kèm theo Báo cáo số 5/BC-UBND ngày 5/10/2020 của UBND huyện Hồn Đất
 (Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)



Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Số quyết định, ngày tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công năm 2020				Ước thực hiện từ đầu năm đến 30/6/2020		Ước thực hiện từ đầu năm đến 30/9/2020		Ước thực hiện từ đầu năm đến 31/01/2021		Tiến độ triển khai (Nêu sơ bộ tình hình triển khai dự án, khó khăn vướng mắc)	Ghi chú
				Số quyết định, ngày tháng, năm ban hành	Tổng số nguồn vốn	Ngân sách địa phương	Tổng	Kế hoạch đã giao	Vốn bổ sung trong năm	Giá trị giải ngân	Giá trị KLHT	Giá trị giải ngân	Giá trị KLHT	Giá trị giải ngân	Giá trị KLHT	Giá trị giải ngân	Giá trị KLHT		
1	2	3	4	5	6	7	8	9=10+11	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
	Tổng công					169.966	169.966	92.792	90.365	2.427	26.796	28.538	68.319	56.675	96.589	92.592			
	Ngành giáo dục					94.370	94.370	42.185	41.359	826	15.650	18.891	28.464	25.710	43.985	41.985			
	1 Công trình chuyển tiếp					61.298	61.298	28.312	28.859	-547	6.557	9.274	15.871	13.997	28.312	28.312			
	1 Trường Tiểu học Linh Huỳnh	xã Linh Huỳnh	4 phòng	2019-2021	4465-29/10/2018	2.889	2.889	2.887	4.852	-2.265	600	395	2.000	1.900	2.587	2.587			
	2 Sửa chữa chống xuống cấp và xây dựng nhà vệ sinh năm 2019	TT. Hồn Đất	Khảo sát thực tế	2019-2021	4460-29/10/2018	2.828	2.828	583	147	436	377		583	377	583	583			
	3 Trường Mẫu giáo Linh Huỳnh	xã Linh Huỳnh	4 phòng	2019-2021	4512-30/10/2018	3.186	3.186	733	733		540	210	540	540	733	733			
	4 Trường THCS Sóc Sơn	TT. Sóc Sơn	6 phòng	2019-2021	4513-30/10/2018	4.581	4.581	896	896		896	891	896	896	896	896			
	5 Trường Tiểu học Nam Thái	xã Nam Thái Sơn	4 phòng	2019-2020	4459-29/10/2018	2.608	2.608	1.208	1.208		800	350	1.208	800	1.208	1.208			
	6 Trường Tiểu học Hoà Tiến	xã Nam Thái Sơn	4 phòng	2019-2020	4458-29/10/2018	2.667	2.667	667	667		400	277	600	500	667	667			
	7 Trường Tiểu học Linh Huỳnh-SLMB	xã Linh Huỳnh	SLMB + GPMB	2019-2020	7527-30/10/2018	2.500	2.500	1.500	1.500		800	582	1.000	800	1.500	1.500			
	8 Trường THCS Mỹ Lâm	xã Mỹ Lâm	06 phòng học	2019-2020	4321-20/10/2017	4.843	4.843	149	300	-151	149	11	149	149	149	149			
	9 Trường mẫu giáo thị trấn Hồn Đất-Hàng rào	TT. Hồn Đất	06 phòng học	2017-2019	8105-20/10/2016	8.942	8.942	831	831		12	12	12	12	831	831			
	10 Trường THCS Giồng Kè	xã Bình Giang	6 phòng học	2017-2019	4331-20/10/2017	5.180	5.180	108	108		108	0	108	108	108	108			
	11 Các công trình sửa chữa + nhà vệ sinh năm 2017	Huyện Hồn Đất		2017-2018	8079-20/10/2016	2.074	2.074	175	175		175	0	175	175	175	175			
a.2	Công trình bổ tri mới năm 2020		05 công trình			19.000	19.000	18.875	17.725	1.150	1.700	6.546	8.600	7.740	18.875	18.875			
1	Trường Tiểu học Mỹ Hiệp Sơn + hàng rào	xã Mỹ Hiệp Sơn	6 phòng học-hàng rào	2019-2022	4627-29/10/2019	4.129	4.129	4.129	4.129		300	1.221	1.300	1.170	4.129	4.129			
2	Trường Tiểu học Mỹ Phú	TT. Sóc Sơn	6 phòng học	2019-2022	4628-29/10/2019	4.774	4.774	4.700	4.700		400	1.987	1.800	1.620	4.700	4.700			
3	Trường Mẫu giáo Thổ Sơn	xã Thổ Sơn	4 phòng học	2019-2022	4629-29/10/2019	3.080	3.080	3.080	3.080		200	1.065	1.700	1.530	3.080	3.080			

Số TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số Quyết định, ngày tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công năm 2020	Ước thực hiện từ đầu năm đến 30/6/2020			Ước thực hiện từ đầu năm đến 30/9/2020		Ước thực hiện từ đầu năm đến 31/01/2021		Tiến độ triển khai (Nếu sơ bộ tính hình thức khai dự án, khó khăn vướng mắc)	Ghi chú	
						Tổng mức đầu tư được duyệt		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách địa phương		Tổng	Kế hoạch đã giao	Vốn bổ sung trong năm	Giá trị giải ngân	Giá trị giải ngân	Giá trị giải ngân	Giá trị giải ngân			
						7	8													9=10+11
1																				
4	Trường Tiểu học thị trấn Sóc Sơn	TT. Sóc Sơn	6 phòng học	2019-2022	4630-29/10/2019	4.751	4.751	4.700	4.700			400	1.376	1.900	1.710	4.700	4.700			
5	Sửa chữa chống xuống cấp và xây dựng nhà vệ sinh năm 2020	Huyện Hòa Bình	Khảo sát thực tế	2019-2022	4631-29/10/2019	2.266	2.266	2.266	1.116	1.150	1.150	400	897	1.900	1.710	2.266	2.266			
b	Ngành Văn hóa - thông tin	xã Mỹ Thái				6.000	6.000	3.300	3.300	0	0	2.600	1.369	3.000	2.700	3.300	3.300			
1	Trung tâm Văn hoá Thể thao xã Mỹ Thái	xã Mỹ Thái	500m2	2019-2020	4456-26/10/2018	2.000	2.000	1.100	1.100			800	624	1.000	900	1.100	1.100			
2	Trung tâm Văn hoá Thể thao xã Lĩnh Huyện	xã Lĩnh Huyện	500m2	2019-2020	4455-26/10/2018	2.000	2.000	1.100	1.100			800	307	1.000	900	1.100	1.100			
3	Trung tâm Văn hoá Thể thao xã Mỹ Phước	xã Mỹ Phước	500m2	2019-2021	4454-26/10/2018	2.000	2.000	1.100	1.100			1.000	438	1.000	900	1.100	1.100			
c	Ngành Giao thông					25.889	25.889	9.000	9.000	0	0	6.400	7.948	9.000	8.420	11.000	9.000			
c.1	Công trình chuyển tiếp (km)		17km; 07 công trình			14.889	14.889	3.900	3.900	0	0	3.900	2.858	3.900	3.830	3.900	3.900			
1	Đường bờ đống bắc Kênh Rạch Giã-Hà Tên	TT. Hòa Đất	4,0	2019-2020	4518-30/10/2018	5.365	5.365	1.950	1.950			1.950	1.806	1.950	1.950	1.950	1.950			
2	Đường Mỹ Trung	xã Mỹ Lâm	2,0	2019-2020	30/10/2018; 4235-19/09/2019	3.920	3.920	1.350	1.350			1.350	1.028	1.350	1.280	1.350	1.350			
3	Đường kênh Tả Lúa	TT. Sóc Sơn	2,8	2019-2020	4468-29/10/2018	2.594	2.594	100	100			100	15	100	100	100	100			
4	Đường kênh Ông Thần	xã Sơn Bình	2,2	2019-2020	4467-29/10/2018	3.010	3.010	500	500			500	9	500	500	500	500			
c.2	Công trình bố trí mới		19,7km; 01 Công trình			11.000	11.000	5.100	5.100	0	0	2.500	5.090	5.100	4.590	7.100	5.100			
1	Đường T5 trên nước	xã Bình Giang	7,1	2019-2022	4010-06/09/2019	11.000	11.000	5.100	5.100			2.500	5.090	5.100	4.590	7.100	5.100			
d	Ngành Y tế					1.183	1.183	93	0	93	93	93	0	93	93	93	93			
	Công trình bố trí trả nợ					1.183	1.183	93	0	93	93	93	0	93	93	93	93			
1	Trạm y tế xã Sơn Bình	xã Sơn Bình		2016-2017	283-25/01/2016	571	571	45		45	45	0	45	45	45	45	45			
2	Trạm y tế xã Mỹ Lâm	xã Mỹ Lâm		2016-2017	284-25/01/2016	612	612	48		48	48	0	48	48	48	48	48			
e	Chương trình hỗ trợ hộ nghèo (theo QĐ số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015)							200	200											
f	Chương trình hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa + hỗ trợ người có công							1.280	1.280					700	500	1.280	1.280			
h	Nguồn kinh phí NS địa phương					41.261	41.261	17.214	16.000	1.214	1.214	6.914	30.54	14.411	11.279	19.211	17.214			

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công năm 2020			Ước thực hiện từ đầu năm đến 30/6/2020		Ước thực hiện từ đầu năm đến 30/9/2020		Ước thực hiện từ đầu năm đến 31/01/2021		Tiến độ triển khai (Nếu sơ bộ tình hình triển khai dự án, khó khăn vướng mắc)	Ghi chú	
					Số Quyết định, ngày tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng mức đầu tư được duyệt	Tổng	Kế hoạch đã giao	Vốn bổ sung trong năm	Giá trị giải ngân	Giá trị giải ngân	Giá trị giải ngân	Giá trị giải ngân	Giá trị giải ngân			Giá trị giải ngân
1	2	3	4	5	6	7	8	9=10+11	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
a	Ngành Giáo dục					10.000	10.000	7.000	7.000	0	1.700	65	3.200	2.900	7.000	7.000		
1	Trường mẫu giáo Thổ Sơn - điểm Bến Đá	xã Thổ Sơn	6 phòng + các hạng mục phụ	2019-2021	4519-30/10/2018; 5730-12/12/2018	10.000	10.000	7.000	7.000		1.700	65	3.200	2.900	7.000	7.000		
b	Khối quản lý nhà nước					26.916	26.916	8.214	7.000	1.214	3.214	1.359	7.214	6.424	8.214	8.214		
1	Trụ sở UBND xã Nam Thái Sơn	xã Nam Thái Sơn	375m2	2018-2021	4520-30/10/2018; 5721-11/12/2018	10.000	10.000	7.000	7.000		2.000	1.359	6.000	5.210	7.000	7.000		
2	Xây mới hàng rào + nhà bảo vệ, nâng cấp sân nền Huyện ủy Hòn Đất	TT. Hòn Đất	13,44m2	2017-2018	4051-19/9/2017	999	999	99	99	99	99	0	99	99	99	99		
3	Trụ sở UBND xã Mỹ Lâm	xã Mỹ Lâm		2016	3435-30/9/2014	5.841	5.841	581	581	581	581	0	581	581	581	581		
4	Trụ sở UBND huyện Hòn Đất	TT. Hòn Đất	312,8m2	2016-2018	8094-20/10/2016	3.000	3.000	296	296	296	296	0	296	296	296	296		
5	Trụ sở UBND xã Bình Sơn	xã Bình Sơn	820m2	2017-2019	4329-20/10/2017	7.076	7.076	238	238	238	238	238	238	238	238	238		
c	Ngành Giao thông					4.345	4.345	2.000	2.000	0	2.000	1.627	3.997	1.955	3.997	2.000		
1	Đường kênh 6	xã Mỹ Thuận	3,2	2019-2022	4586-25/10/2019	3.276	3.276	1.100	1.100		1.200	1.100	3.097	1.100	3.097	1.100		
2	Đường bờ tây kênh Mỹ Thái	xã Sơn Kiên	1,2	2019-2022	4064-25/10/2019	1.069	1.069	900	900		800	527	900	855	900	900		
III	Ngành thu tiền sử dụng đất					21.694	21.694	5.350	5.350	0	3.050	2.707	5.350	5.350	5.350	5.350		
a	Ngành ngân sách tỉnh bổ sung					10.847	10.847	3.550	3.550	0	3.050	2.707	3.550	3.550	3.550	3.550		
1	Đường kênh 15	xã Mỹ Hiệp Sơn	4,6	2019-2022	4589-25/10/2019	5.917	5.917	2.000	2.000		1.500	1.157	2.000	2.000	2.000	2.000		
2	Đường bờ đông bắc kênh cũ Tân Điền	xã Mỹ Lâm	3,6	2019-2020	4600-25/10/2019	4.930	4.930	1.550	1.550		1.550	1.550	1.550	1.550	1.550	1.550		
b	Ngành hiện có tại địa phương					10.847	10.847	1.800	1.800	0	0	0	1.800	1.800	1.800	1.800		
+ Kế hoạch tỉnh giao						10.847	10.847	1.800	1.800	0	0	0	1.800	1.800	1.800	1.800		
1	Đường kênh 15	xã Mỹ Hiệp Sơn	4,6	2019-2022	4589-25/10/2019	5.917	5.917	800	800				800	800	800	800		
2	Đường bờ đông bắc kênh cũ Tân Điền	xã Mỹ Lâm	3,6	2019-2020	4600-25/10/2019	4.930	4.930	1.000	1.000				1.000	1.000	1.000	1.000		
IV	Chương trình mục tiêu quốc gia XDNTM					12.473	12.473	24.966	24.726	240	1.182	1.189	17.654	12.674	24.966	24.966		
a	Công trình cấp nước					3.276	3.276	5.807	5.807	0	22	0	4.163	2.915	5.807	5.807		
	Công trình bổ trợ mới năm 2020					3.276	3.276	5.807	5.807	0	22	0	4.163	2.915	5.807	5.807		
1	Mở rộng tuyến ống nước sinh hoạt ấp Kiên Bình	xã Sơn Kiên		2020				1.680	1.680				840	840	1.680	1.680		

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư													Tiền độ triển khai (Nếu sơ bộ tình hình triển khai dự án, khi khẩn trương)	Ghi chú
					Tổng mức đầu tư được duyệt		Kế hoạch đầu tư công năm 2020					Ước thực hiện từ đầu năm đến 30/6/2020		Ước thực hiện từ đầu năm đến 30/9/2020		Ước thực hiện từ đầu năm đến 31/12/2021			
6	7	8	9=10+11	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19						
Số Quyết định, ngày tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách địa phương	Tổng	Kế hoạch đã giao	Vốn bổ sung trong năm	Giá trị KLHT	Giá trị giải ngân	Giá trị KLHT	Giá trị giải ngân	Giá trị KLHT	Giá trị giải ngân								
1	Mở rộng đường nước sạch từ cống Hòn Sóc vào Chùa Hòn Quốc áp Hòn Quốc	xã Thổ Sơn	830 m	2020	163- 27/10/2019	255	255	255	255	200	128	255	255						
2	Mở rộng đường nước sạch từ cống Hòn Sóc đến cầu Ta Lức áp Hòn Quốc	xã Thổ Sơn	1.520 m	2020	163a- 27/10/2019	450	450	450	450	315	225	450	450						
3	Mở rộng đường nước sạch từ trường Phan Thị Ràng đến quán Cảnh Đông Xanh áp Hòn Me	xã Thổ Sơn	780 m	2020	163b- 27/10/2019	255	255	255	255	200	128	255	255						
4	Mở rộng đường nước sạch từ đường bờ Tây kênh Vạn Thanh từ nhà ông An đến biển áp Vạn Thanh	xã Thổ Sơn	500 m	2020	163c- 27/10/2019	270	270	270	270	200	135	270	270						
5	Mở rộng đường nước sạch từ đường bờ Bắc công Hòn Sóc ra biển áp Hòn Quốc	xã Thổ Sơn	640 m	2020	163d- 27/10/2019	240	240	240	240	200	120	240	240						
6	Mở rộng đường ống nước bờ đông kênh Quang Thống áp Sơn Thuận	xã Mỹ Thuận	1.420m	2020	176- 28/10/2019	487	487	487	487	340	243	487	487						
7	Mở rộng tuyến ống nước sinh hoạt xã Mỹ Thuận	xã Mỹ Thuận		2020				22	22	22	22	22	22						
8	Mở rộng tuyến ống nước sinh hoạt xã Mỹ Thuận	xã Linh Thuận	1.404 m	2020	222a- 28/10/2019	559	559	559	559	390	280	559	559						
9	Mở rộng tuyến ống nước sinh hoạt xã Mỹ Hiệp Sơn Kênh 6	xã Mỹ Hiệp Sơn	1.100 m	2020	199- 28/10/2019	380	380	380	380	270	190	380	380						
10	Mở rộng tuyến ống nước sinh hoạt xã Mỹ Hiệp Sơn Kênh 7	xã Mỹ Hiệp Sơn	1.100 m	2020	198- 28/10/2019	380	380	380	380	270	190	380	380						
11	Mở rộng tuyến ống cấp nước sinh hoạt xã Sơn Bình	xã Sơn Bình	2.500	2020				829	829	580	414	829	829						
12	b Công trình giao thông																		
	Công trình bố trí mới năm 2020																		
1	Cầu Liên ấp Tân Hưng - Mỹ Hưng	xã Mỹ Lâm	27m x 3m	2020	221- 07/12/2019	7.997	7.997	14.499	14.499	0	390	662	10.151	7.299	14.499	14.499			
2	Xây dựng cầu bê tông áp Vạn Thanh	xã Thổ Sơn	30 mx3m	2020	138- 05/12/2019	1.032	1.032	1.056	1.056		300	490	740	528	1.056	1.056			
3	Cầu kênh Cây Me-Bến Đất áp Hòn Me	xã Thổ Sơn	30m x 3m	2020	137- 05/12/2019	1.126	1.126	1.200	1.200				840	600	1.200	1.200			
4	Cầu Kênh K11 áp Hòn Quốc	xã Thổ Sơn	30m x 3m	2020				1.200	1.200				840	600	1.200	1.200			
5	Xây dựng cầu bê tông kênh Thủy Lợi áp Hòn Me	xã Thổ Sơn	30m x 3m	2020				1.000	1.000				700	500	1.000	1.000			
6	Xây dựng cầu kênh 500 áp Bình Thuận	xã Bình Sơn	8m x 3,0 m	2020	166- 05/12/2019	199	199	200	200				140	100	200	200			
7	Xây dựng cầu kênh 750 áp Bình Thuận	xã Bình Sơn	8m x 3,0 m	2020	168- 05/12/2019	200	200	200	200				140	100	200	200			

Số TT	Tên mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công năm 2020				Ước thực hiện từ đầu năm đến 30/6/2020		Ước thực hiện từ đầu năm đến 30/9/2020		Ước thực hiện từ đầu năm đến 31/01/2021		Tiến độ triển khai (nếu sơ bộ tình hình triển khai dự án, kh6 khả năng vướng mắc)	Ghi chú	
					Số Quyết định, ngày tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng mức đầu tư được duyệt	Ngân sách địa phương	Tổng	Kế hoạch đã giao	Vốn bổ sung trong năm	Giá trị KLHT	Giá trị giải ngân	Giá trị KLHT	Giá trị giải ngân	Giá trị KLHT			Giá trị giải ngân
1	Xây mới hàng rào nhà văn hoá ấp Hợp Thành	xã Bình Giang		2020					0										
	Xây mới hàng rào nhà văn hoá ấp Lăng Côm	xã Bình Giang		2020					0										
	Xây mới hàng rào nhà văn hoá ấp Mũi Tân	xã Bình Giang		2020					0										
2	xã Thổ Sơn								1.213	1.213				850	606	1.213	1.213		
	Làm mới hàng rào nhà văn hoá ấp Hòn Sóc	xã Thổ Sơn							0										
	Mở rộng đường ống nước sạch từ Mỏ Chi Sư đến xóm Lưới Bãi Tre	xã Thổ Sơn	2.000m	2020	166a-29/10/2019	750	750	0	0										
	Trang sửa nhà văn hoá ấp Hòn Đất	xã Thổ Sơn		2020					0										
b	Chương trình 135					168	168	651	504	147	0	0	540	450	651	651			
	Công trình bố trí mới					168	168	657	504	147	0	0	540	450	657	657			
1	xã Bình Giang					0	0	434	336	98	0	0	360	300	434	434			
	Trái đá bụi ấp Rành Hạp (bờ Tây Kênh BG I, đoạn từ kênh 200 - kênh Đoàn Đĩnh)	xã Bình Giang		2020				217	168	49			180	150	217	217			
	Xây mới cầu kênh Tiên, tuyến bờ đông kênh BG I (Cầu Sác)	xã Bình Giang		2020				217	168	49			180	150	217	217			
2	xã Thổ Sơn					166b-29/10/2019	168	168	217	168	49	0	180	150	217	217			
	Mở rộng đường ống từ công Hòn Quốc đến vòng đê quốc phòng	xã Thổ Sơn	580m	2020		168	168	217	168	49			180	150	217	217			